TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày 16 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Thế Hạp.

Ông Nông Xuân Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 12/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nông Văn T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1990 tại xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và C ở hiện nay: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Lê Thị N; Vợ, con; Chưa có. Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 11/12/2020 bị Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Nhân thân: Ngày 20/11/2023 bị C1 vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 22/8/2023.

Bị cáo đang bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/4/2024 đến nay. Có mặt.

** Người bị hại:* Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

**. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Hoàng Văn T1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21/8/2023, Công an xã C tiếp nhận tin báo của anh Hoàng Văn H về việc gia đình bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vào rạng sáng ngày 20/8/2023. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã C đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác định được Nông Văn Thế là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO tại cửa hàng Đ theo quy định pháp luật. Sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được: Nông Văn T và anh Hoàng Văn H là hàng xóm với nhau nên T biết nhà anh H thường không đóng cửa sau tầng hai. Khoảng 24 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2023, T đi đến nhà anh H nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi, T trèo lên tầng hai theo đường dây sắt chống sét vào buồng ngủ, nhìn thấy chiếc điện thoại của anh H để trên đầu giường, T trộm lấy rồi đi theo đường cũ xuống tầng một đi về nhà. Sáng hôm sau, T mang chiếc điện thoại trộm cắp đến cửa hàng Đ tại tổ dân phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng bán được 300.000 đồng.

Ngày 08/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra văn bản Yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 15/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A16K, R G, R G, thời điểm định giá 20/8/2023 có giá trị 3.266.667 đồng.

Trong thời gian chờ kết quả định giá tài sản, Nông Văn T đã tự ý rời khỏi địa phương không khai báo. Sau khi có kết quả định giá tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng không xác định được bị can T đang ở đâu. Hết thời hạn điều tra, ngày 15/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can và ra quyết định truy nã đối với T. Ngày 02/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt được Nông Văn T, vụ án được phục hồi điều tra theo quy định pháp luật. Quá trình điều tra còn xác định được ngày 22/8/2023 T có hành vi trộm cắp 04 con vịt, do giá trị dưới 2.000.000đ nên ngày 20/11/2023 Công an huyện đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000đ.

Quá trình điều tra, sau khi xác định rõ chủ sở hữu và việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, ngày 12/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại điện thoại trên cho bị hại.

Cáo trạng số 57/CT - VKSTK ngày 12 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo xác nhận cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và khai: Do là hàng xóm với nhau nên biết nhà anh H thường không đóng cửa sau tầng hai. Khoảng 24 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2023, T trèo lên tầng hai theo đường dây sắt chống sét vào buồng ngủ trộm chiếc điện thoại của anh H để trên đầu giường, sáng hôm sau mang chiếc điện thoại trộm cắp đến cửa hàng Đ tại tổ dân phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng bán được 300.000 đồng. Ngày 24/8/2023 Công an xã gọi lên làm việc thì bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình, trong thời gian chờ kết quả định giá thì bị cáo xuống dưới Bắc Ninh làm việc không xin phép. Ngoài ra ngày 22/8/2023 bị cáo còn trộm 04 con vịt của bà Hoàng Thị L người cùng xóm bán được 300.000đ. Nay biết hành vi của mình là sai mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại ông H khai: Sáng ngày 21/8/2023, phát hiện bị mất 01 điện thoại nên trình báo cơ quan chức năng. Ngoài điện thoại thì gia đình không bị mất thêm tài sản nào khác. Hiện nay tài sản bị mất trộm đã nhận lại nên không yêu cầu gì thêm. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T1 vắng mặt có lời khai trong quá trình điều tra như sau: Ngày 21/8/2023 có mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO với Nông Văn T giá 300.000đ. Khi mua anh không biết tài sản do trộm cắp mà có nên ngày 24/8/2023, khi cơ quan chức năng đến làm việc anh đã tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra. Nay anh yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000đ.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 02/4/2023. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đối với bị hại do tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ nên buộc bị cáo bồi thường số tiền 300.000đ. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm mất tài sản, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 24 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2023, tại nhà của ông Hoàng Văn H ở xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Nông Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có giá trị 3.266.667 đồng của ông Hoàng Văn H. Mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có ý thức che giấu, lén lút, lợi dụng lúc đêm khuya để trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 2.000.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng khi lượng hình.

Về nhân thân: Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa tiền sự về việc bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Mục đích phạm tội cũng để có tiền mua ma túy sử dụng. Trong thời gian chờ kết quả định giá tài sản thì bị cáo tự ý rời khỏi địa phương không khai báo, làm cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện phải ra quyết định truy nã bị cáo. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt nên là người có nhân thân xấu. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng căn cứ tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân cần có mức án nghiêm minh đối với bị cáo để răn đe bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về vật chứng: Qua điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi và trả lại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu các bên có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ nên buộc bị cáo bồi thường số tiền 300.000đ.

[6]. Đối với hành vi trộm 04 con vịt, do giá trị dưới 2.000.000đ, bị cáo cũng không phải trộm liên tục về mặt thời gian, cũng không lấy thu nhập từ việc trộm cắp làm nguồn sống chính và Công an huyện đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với hành vi anh T1 mua điện thoại với bị cáo do không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Công an huyện không đề nghị xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội và bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn T 09 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/4/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Văn T1 số tiền 300.000đ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự không có giá ngạch sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Cao Thăng *(bằng TB);*
- Bị cáo; Bị hại; NCQLVNVLQ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nông Văn Tùng